

Số: **29**/CV-COTECLAND

(V/v: Công bố thông tin

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng
cổ đông thường niên năm 2019)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM

- Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà đất Cotec
- Mã chứng khoán : CLG
- Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 6, Cao ốc H2, Số 196 Hoàng Diệu, P.8, Q.4, TP. HCM
- Điện thoại : 028. 5401 0999
- Fax : 028. 5401 0777
- Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Nguyễn Thế Thanh** - Chức vụ: Tổng Giám đốc
Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà đất Cotec (CotecLand) công bố thông tin Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty.

Đính kèm Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Đất Cotec (CotecLand).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 12/07/2019 tại đường dẫn: www.cotecland.com.vn

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN THẾ THANH

Tài liệu đính kèm:

- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Đất Cotec (CotecLand), địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Cao ốc H2, Số 196 Hoàng Diệu, Phường 8, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303666737 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 30/08/2018.

I. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM:

Hôm nay, vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 12 tháng 07 năm 2019, tại Phòng họp Hội trường Tầng 6, Cao ốc H2, Số 196 Hoàng Diệu, Phường 8, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Đất Cotec (CotecLand) đã triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

Bao gồm các cổ đông của Công ty:

1. Tổng danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội và biểu quyết tính đến ngày chốt danh sách cổ đông ngày 19/06/2019 là: **531** cổ đông, nắm giữ **21.150.000** cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Tính đến lúc 09 giờ 00 phút ngày 12 tháng 07 năm 2019, tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham dự đại hội (bao gồm ủy quyền tham dự đại hội) là: **29** cổ đông, tương đương: **14.496.630** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ **68,542%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (*Đính kèm danh sách cổ đông tham dự Đại hội*).
3. Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Đất Cotec, các cổ đông tham dự Đại hội đủ điều kiện tiến hành.

III. NỘI DUNG CUỘC HỌP:

1. Biểu quyết Chủ tọa, Ban Thư ký và báo cáo số cổ đông dự họp tối thiểu:

1.1 Đoàn Chủ tịch Đại hội và Ban Thư ký Đại hội:

1.1.1. Đoàn Chủ tịch:

- | | |
|------------------------|---|
| - Ông Nguyễn Thế Thanh | - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Chủ tọa Đại hội |
| - Ông Lê Bá Tiến | - Ủy viên |
| - Ông Trần Nhất Nguyên | - Ủy viên |



1.1.2. Ban Thư ký

- Ông Nguyễn Thành Chung - Trưởng Ban thư ký
- Ông Nguyễn Văn Hiếu - Thành viên

1.1.3. Ông Nguyễn Thế Thanh - Chủ tịch HĐQT được cử làm Chủ tọa ĐHĐCĐ và Ông Nguyễn Thành Chung được cử làm Thư ký ĐHĐCĐ.

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là: **14.496.630** cổ phần.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết tán thành: **14.496.630** cổ phần, chiếm **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết không tán thành: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

1.2 Chủ tọa báo cáo rằng ĐHĐCĐ đã được triệu tập theo Điều lệ của Công ty và số cổ đông dự họp tối thiểu đã có mặt.

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là: **14.496.630** cổ phần.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết tán thành: **14.496.630** cổ phần, chiếm **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết không tán thành: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

2. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông.

Đính kèm Quy chế chi tiết.

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là: **14.496.630** cổ phần.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết tán thành: **14.495.040** cổ phần, chiếm **99,989%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết không tán thành: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không biểu quyết: **1.590** cổ phần, chiếm **0,011%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự.

3. Chủ tọa đệ trình chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với các nội dung cơ bản sau:

- 3.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày trước Đại hội chiến lược phát triển Công ty.

3.2 Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch năm 2019 và định hướng các Dự án đầu tư của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Đất Cotec (CotecLand) đến năm 2020 như sau:

3.2.1 Kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2018:

Đơn vị tính : triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ đạt kế hoạch (%)	Tăng, giảm so với năm 2017 (%)
I	Tổng doanh thu	712.238	490.277	257.760	52,6%	-63,8%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	686.397	489.537	256.856	52,5%	-62,6%
1.1	Doanh thu xây dựng	656.114	470.677,9	227.696	48,4%	-65,3%
1.2	Doanh thu BĐS	9.091				
1.3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.192	18.859	29.173	154,7%	37,7%
1.4	Các khoản giảm trừ	-		-13		
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	25826	740	904	122,2%	-96,5%
3	Thu nhập khác	15	-	0,48		-96,8%
II	Tổng chi phí	676.010	480.698	263.394	54,8%	-61,0%
1	Giá vốn hàng bán	637.334	450.160	223.272	49,6%	-65,0%
1.1	Giá vốn xây dựng	615.769	439.927	212.377	48,3%	-65,5%
1.2	Giá vốn kinh doanh BĐS	9114				
1.3	Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.451	10.232	10.895	106,5%	-12,5%
2	Chi phí bán hàng	449		152		-66,1%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.767	17.200	18.771	109,1%	-9,6%
4	Chi phí tài chính	16.986	11.778	20.969	178,0%	23,4%
5	Chi phí khác	474	1.560	230	14,7%	-51,5%
III	Lãi lỗ từ công ty liên doanh, liên kết	-26.608		12.049		-145,3%
IV	Lợi nhuận trước thuế	9.620	9.579,6	6.412	66,9%	-33,3%
V	Chi phí thuế TNDN	8.393	2.888	737	25,5%	-91,2%
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.629	2.545	737	29,0%	-79,7%
	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.764	342,50			

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ đạt kế hoạch (%)	Tăng, giảm so với năm 2017 (%)
VI	Lợi nhuận sau thuế	1.653	7.663,7	5.675	74,1%	243,3%

3.2.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2019:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	% tăng, giảm so năm 2018
I	Tổng doanh thu	257.773	285.573	10,8%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	256.869	284.918	10,9%
1.1	Doanh thu xây dựng	227.696	269.096	18,2%
1.2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.173	15.822	-45,8%
1.3	Các khoản giảm trừ	(13)		-100,0%
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	904	655	-27,5%
3	Thu nhập khác	0,48		-100,0%
II	Tổng chi phí	263.394	281.464	6,9%
1	Giá vốn hàng bán	223.272	250.888	12,4%
1.1	Giá vốn xây dựng	212.377	242.186	14,0%
1.2	Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.895	8.702	-20,1%
2	Chi phí bán hàng	152	163	7,2%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.771	12.408	-33,9%
4	Chi phí tài chính	20.969	18.005	-14,1%
5	Chi phí khác	230		-100,0%
	Lãi lỗ từ công ty liên doanh, liên kết	12.049		
III	Lợi nhuận trước thuế	6.412	4.108	-35,9%
IV	Lợi nhuận sau thuế	5.675	3.287	-42,1%

Đính kèm Báo cáo chi tiết.

- 3.3 Thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ và Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018 và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Đơn vị kiểm toán niên độ 2019.
Đính kèm Báo cáo chi tiết.
- 3.4 Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.
Đính kèm Báo cáo chi tiết.
- 3.5 Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

STT	Nội dung các khoản mục	Tỉ lệ %		Số tiền
		Vốn Điều lệ	Lợi nhuận sau thuế	ĐVT: đồng
I	Tồn các quỹ vào ngày 01/01/2018			27.529.594.503
1	Quỹ dự phòng tài chính			10.095.234.216
2	Quỹ khen thưởng			3.187.073.511
3	Quỹ phúc lợi			4.553.324.373
4	Quỹ đầu tư phát triển			9.693.962.403
II	Trích lập các quỹ trong năm 2018			
1	Trích lập quỹ dự phòng tài chính			
2	Trích lập quỹ khen thưởng			
3	Trích lập quỹ phúc lợi			
4	Trích lập quỹ đầu tư phát triển			
III	Tình hình sử dụng các quỹ trong năm 2018			386.700.000
1	Sử dụng quỹ dự phòng tài chính			
2	Sử dụng quỹ khen thưởng			87.000.000
3	Sử dụng quỹ phúc lợi			299.700.000
4	Sử dụng quỹ đầu tư phát triển			
IV	Tồn các quỹ đến 31/12/2018			27.142.894.503
1	Quỹ dự phòng tài chính			10.095.234.216
2	Quỹ khen thưởng			3.100.073.511
3	Quỹ phúc lợi			4.253.624.373
4	Quỹ đầu tư phát triển			9.693.962.403
V	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			19.847.028.267

IV. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT VỀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ TẠI KHOẢN 3 MỤC III BIÊN BẢN NÀY:

1. Biểu quyết thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch năm 2019 và định hướng các Dự án đầu tư của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Đất Cotec (CotecLand) đến năm 2020 tại Điểm 3.2 Mục III Biên bản này:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là: **14.496.630** cổ phần.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết tán thành: **14.495.040** cổ phần, chiếm **99,989%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết không tán thành: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không biểu quyết: **1.590** cổ phần, chiếm **0,011%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự.

2. Biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ và Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018 và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Đơn vị kiểm toán niên độ năm 2019 tại Điểm 3.3 Mục III Biên bản này:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là: **14.496.630** cổ phần.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết tán thành: **14.495.040** cổ phần, chiếm **99,989%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết không tán thành: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không biểu quyết: **1.590** cổ phần, chiếm **0,011%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự.

3. Biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 tại Điểm 3.4 Mục III Biên bản này:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là: **14.496.630** cổ phần.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết tán thành: **14.495.040** cổ phần, chiếm **99,989%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết không tán thành: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không biểu quyết: **1.590** cổ phần, chiếm **0,011%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự.

3.1 TÀI S' N E 10

4. **Biểu quyết thông qua phân phối lợi nhuận năm 2018 tại Điểm 3.5 Mục III Biên bản này:**
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là: **14.496.630** cổ phần.
 - Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết tán thành: **14.495.040** cổ phần, chiếm **99,989%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
 - Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết không tán thành: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
 - Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
 - Số cổ phần có quyền biểu quyết không biểu quyết: **1.590** cổ phần, chiếm **0,011%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự.
5. **Biểu quyết thông qua thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 tại Điểm 3.6 Mục III Biên bản này:**
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là: **14.496.630** cổ phần.
 - Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết tán thành: **14.495.040** cổ phần, chiếm **99,989%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
 - Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết không tán thành: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
 - Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
 - Số cổ phần có quyền biểu quyết không biểu quyết: **1.590** cổ phần, chiếm **0,011%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự.
6. **Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020 đối với Ông Trịnh Xuân Hà và Ông Đỗ Đăng Nguyễn vì có đơn xin rút ; và bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020 tại Điểm 3.7 Mục III Biên bản này:**
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là: **14.496.630** cổ phần.
 - Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết tán thành: **14.495.040** cổ phần, chiếm **99,989%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
 - Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết không tán thành: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
 - Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
 - Số cổ phần có quyền biểu quyết không biểu quyết: **1.590** cổ phần, chiếm **0,011%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự.
7. **Thông qua việc miễn nhiệm toàn bộ thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020 đối với Bà Phạm Thị Huyền vì có đơn xin rút, Ông Nguyễn Hoàng Sơn và Ông Bùi Việt Tú do chuyển công tác; và bầu lại 03 thành viên Ban kiểm soát để thành lập Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020 tại Điểm 3.8 Mục III Biên bản này:**

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là: **14.496.630** cổ phần.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết tán thành: **14.495.040** cổ phần, chiếm **99,989%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết không tán thành: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không biểu quyết: **1.590** cổ phần, chiếm **0,011%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự.

8. Biểu quyết thông qua Quy chế đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020 tại Điểm 3.9 Mục III Biên bản này:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là: **14.496.630** cổ phần.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết tán thành: **14.495.040** cổ phần, chiếm **99,989%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết không tán thành: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không biểu quyết: **1.590** cổ phần, chiếm **0,011%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự.

9. Biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020 tại Điểm 3.10 Mục III Biên bản này:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là: **14.496.630** cổ phần.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết tán thành: **14.495.040** cổ phần, chiếm **99,989%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết không tán thành: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không biểu quyết: **1.590** cổ phần, chiếm **0,011%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự.

10. Biểu quyết thông qua Danh sách thành viên Ban kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020 tại Điểm 3.11 Mục III Biên bản này:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là: **14.496.630** cổ phần.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết tán thành: **14.495.040** cổ phần, chiếm **99,989%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết, biểu quyết không tán thành: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không biểu quyết: 1.590 cổ phần, chiếm 0,011% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự.

11. Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Đất Cotec (CotecLand) có kết quả như sau:

11.1 Hội đồng quản trị :

STT	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)	Kết quả (Đạt/ không đạt)
1	LÊ BÁ TIẾN	14.943.580	103,083	ĐẠT
2	TRẦN NHẤT NGUYỄN	13.936.440	96,136	ĐẠT

11.2 Ban kiểm soát :

STT	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)	Kết quả (Đạt/ không đạt)
1	NGUYỄN THỊ NHƯỢC THÙY	14.437.530	99,592	ĐẠT
2	HỒ MINH PHỤNG	14.437.620	99,593	ĐẠT
3	NGUYỄN VĂN HIẾU	14.444.430	99,640	ĐẠT

V. THẢO LUẬN VỚI CỔ ĐÔNG:

- 5.1. Rút kinh nghiệm từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, trong Đại hội lần này, Công ty đã đưa phần ý kiến thảo luận của cổ đông vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- 5.2. Thời gian chi trả cổ tức năm 2016: Công ty cam kết thực hiện trong năm 2019.
- 5.3. Ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2018: Công ty đã giải trình với UBCKNN và SGDCK TP.HCM. Hiện tại, các Công ty đã thu thập đầy đủ hồ sơ liên quan đến ý kiến ngoại trừ này.
- 5.4. Kế hoạch thoái vốn tại CotecAsia: do khoản nợ vay của CotecAsia quá lớn, Ban Điều hành lường trước rủi ro nên thực hiện kế hoạch thoái vốn.
- 5.5. So với Báo cáo thường niên 2018 đã gửi UBCKNN và SGDCK TP.HCM, Kế hoạch năm 2019 trong Đại hội lần này có sự điều chỉnh giảm Doanh thu và Lợi nhuận: Từ cuối năm 2018 đến nay, thị trường có dấu hiệu chững lại do các rủi ro về pháp lý (vấn đề cấp phép xây dựng các dự án). Sau khi đánh giá lại, Ban TGD đề xuất giảm Doanh thu và Lợi nhuận. Cuối năm 2019 đến 2020, Doanh thu mới bắt đầu tăng lại.

Biên bản họp này được lập lúc 11 giờ 00 ngày 12/07/2019 tại Phòng họp Hội trường Tầng 6, Cao ốc H2, Số 196 Hoàng Diệu, Phường 8, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Biên bản này đã được đọc cho các cổ đông nghe và biểu quyết thông qua.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 11 giờ 00 cùng ngày.

Biên bản được lập thành 05 (năm) bản, mỗi bản gồm 11 (mười một) trang, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau.

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện Biên bản họp này. Biên bản họp này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Ký bởi:



Tên: **NGUYỄN THÀNH CHUNG**
Chức vụ: **Thư ký ĐHĐCĐ**



Tên: **NGUYỄN THẾ THANH**
Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội**



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Đất Cotec (CotecLand);
- Căn cứ Biên bản họp số 01/BBH-ĐHĐCĐ-COTECLAND ngày 12 tháng 07 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Đất Cotec (CotecLand).

QUYẾT NGHỊ

MỤC I: TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH - ĐẦU TƯ

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch năm 2019 và định hướng các Dự án đầu tư của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Đất Cotec (CotecLand) đến năm 2020 như sau:

1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2018:

Đơn vị tính : triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ đạt kế hoạch (%)	Tăng, giảm so với năm 2017 (%)
I	Tổng doanh thu	712.238	490.277	257.760	52,6%	-63,8%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	686.397	489.537	256.856	52,5%	-62,6%
1.1	Doanh thu xây dựng	656.114	470.677,9	227.696	48,4%	-65,3%
1.2	Doanh thu BĐS	9.091				
1.3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.192	18.859	29.173	154,7%	37,7%
1.4	Các khoản giảm trừ	-		-13		
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	25826	740	904	122,2%	-96,5%
3	Thu nhập khác	15	-	0,48		-96,8%



Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ đạt kế hoạch (%)	Tăng, giảm so với năm 2017 (%)
II	Tổng chi phí	676.010	480.698	263.394	54,8%	-61,0%
1	Giá vốn hàng bán	637.334	450.160	223.272	49,6%	-65,0%
1.1	Giá vốn xây dựng	615.769	439.927	212.377	48,3%	-65,5%
1.2	Giá vốn kinh doanh BĐS	9114				
1.3	Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.451	10.232	10.895	106,5%	-12,5%
2	Chi phí bán hàng	449		152		-66,1%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.767	17.200	18.771	109,1%	-9,6%
4	Chi phí tài chính	16.986	11.778	20.969	178,0%	23,4%
5	Chi phí khác	474	1.560	230	14,7%	-51,5%
III	Lãi lỗ từ công ty liên doanh, liên kết	-26.608		12.049		-145,3%
IV	Lợi nhuận trước thuế	9.620	9.579,6	6.412	66,9%	-33,3%
V	Chi phí thuế TNDN	8.393	2.888	737	25,5%	-91,2%
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.629	2.545	737	29,0%	-79,7%
	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.764	342,50			
VI	Lợi nhuận sau thuế	1.653	7.663,7	5.675	74,1%	243,3%

1.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2019:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	% tăng, giảm so năm 2018
I	Tổng doanh thu	257.773	285.573	10,8%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	256.869	284.918	10,9%
1.1	Doanh thu xây dựng	227.696	269.096	18,2%
1.2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.173	15.822	-45,8%
1.3	Các khoản giảm trừ	(13)		-100,0%

2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	904	655	-27,5%
3	Thu nhập khác	0,48		-100,0%
II	Tổng chi phí	263.394	281.464	6,9%
1	Giá vốn hàng bán	223.272	250.888	12,4%
1.1	Giá vốn xây dựng	212.377	242.186	14,0%
1.2	Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.895	8.702	-20,1%
2	Chi phí bán hàng	152	163	7,2%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.771	12.408	-33,9%
4	Chi phí tài chính	20.969	18.005	-14,1%
5	Chi phí khác	230		-100,0%
	Lãi lỗ từ công ty liên doanh, liên kết	12.049		
III	Lợi nhuận trước thuế	6.412	4.108	-35,9%
IV	Lợi nhuận sau thuế	5.675	3.287	-42,1%

Đính kèm Báo cáo chi tiết.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ và Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018 và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Đơn vị kiểm toán niên độ 2019.

Đính kèm Báo cáo chi tiết.

Điều 3: Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

STT	Nội dung các khoản mục	Tỷ lệ %		Số tiền
		Vốn Điều lệ	Lợi nhuận sau thuế	ĐVT: đồng
I	Tồn các quỹ vào ngày 01/01/2018			27.529.594.503
1	Quỹ dự phòng tài chính			10.095.234.216
2	Quỹ khen thưởng			3.187.073.511
3	Quỹ phúc lợi			4.553.324.373
4	Quỹ đầu tư phát triển			9.693.962.403
II	Trích lập các quỹ trong năm 2018			

1	Trích lập quỹ dự phòng tài chính			
2	Trích lập quỹ khen thưởng			
3	Trích lập quỹ phúc lợi			
4	Trích lập quỹ đầu tư phát triển			
III	Tình hình sử dụng các quỹ trong năm 2018			386.700.000
1	Sử dụng quỹ dự phòng tài chính			
2	Sử dụng quỹ khen thưởng			87.000.000
3	Sử dụng quỹ phúc lợi			299.700.000
4	Sử dụng quỹ đầu tư phát triển			
IV	Tồn các quỹ đến 31/12/2018			27.142.894.503
1	Quỹ dự phòng tài chính			10.095.234.216
2	Quỹ khen thưởng			3.100.073.511
3	Quỹ phúc lợi			4.253.624.373
4	Quỹ đầu tư phát triển			9.693.962.403
V	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			19.847.028.267
1	Các năm trước để lại			13.313.482.302
2	Năm 2018			6.533.545.965
VI	Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối	9,38%		19.847.028.267
VII	Chia cổ tức và trích lập các quỹ	0%	0%	-
1	Chia cổ tức bằng tiền mặt	0%	0%	
2	Trích lập quỹ dự phòng tài chính		0%	
3	Trích lập quỹ khen thưởng		0%	
4	Trích lập quỹ phúc lợi		0%	
5	Trích lập quỹ đầu tư phát triển		0%	
VIII	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại	9,38%	100%	19.847.028.267

- Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án không chia cổ tức năm 2018 mà dùng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2018 để tái đầu tư.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty dùng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2018 để tái đầu tư theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

MỤC II: QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY

Điều 4: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

Đính kèm Báo cáo chi tiết.

Điều 5: Thông qua thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 là **60.000.000 đồng/tháng**. Giao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phân bổ cho các thành viên theo tổng mức trên.

Điều 6: Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020 đối với Ông Trịnh Xuân Hà và Ông Đỗ Đăng Nguyên vì có đơn xin rút; và bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị để thành lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Điều 7: Thông qua việc miễn nhiệm toàn bộ thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020 đối với Bà Phạm Thị Huyền vì có đơn xin rút, Ông Nguyễn Hoàng Sơn và Ông Bùi Việt Tú do chuyển công tác; và bầu lại 03 thành viên Ban kiểm soát để thành lập Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Điều 8: Thông qua kết quả bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị và bầu lại 03 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Đất Cotec có kết quả như sau:

8.1 Hội đồng quản trị :

STT	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)	Kết quả (Đạt/ không đạt)
1	LÊ BÁ TIẾN	14.943.580	103,083	ĐẠT
2	TRẦN NHẤT NGUYỄN	13.936.440	96,136	ĐẠT

8.2 Ban kiểm soát :

STT	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)	Kết quả (Đạt/ không đạt)
1	NGUYỄN THỊ NHƯỘC THÙY	14.437.530	99,592	ĐẠT
2	HỒ MINH PHỤNG	14.437.620	99,593	ĐẠT
3	NGUYỄN VĂN HIẾU	14.444.430	99,640	ĐẠT

二〇一八年八月三十日

MỤC III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9: Nghị quyết này được lập lúc 11 giờ 00 ngày 12/07/2019 tại Phòng họp Hội trường Tầng 6, Cao ốc H2, Số 196 Hoàng Diệu, Phường 8, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Nghị quyết đã được đọc cho các cổ đông tham dự Đại hội nghe và cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%.

Điều 10: Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



NGUYỄN THẾ THANH

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Lưu PC.

